

Số: /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 1

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết:

a) Khoản 7 Điều 75; khoản 5 Điều 77 và khoản 8 Điều 78 của Luật Điện lực năm 2024 đã được Chính phủ phân cấp cho Bộ Công Thương tại Điều 25 của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

b) Khoản 4 Điều 77 Luật Điện lực năm 2024.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hoặc được chuyển giao quyền sở hữu công trình thủy điện.

2. Công trình thủy điện điện (bao gồm công trình thủy điện tích năng) được tạo thành bởi trí tuệ, sức lao động của con người cùng vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt vào công trình nhằm mục đích chính là khai thác năng lượng của các nguồn nước để phát điện phục vụ phát triển kinh tế-xã hội. Công trình thủy điện bao gồm các hạng mục: hồ chứa thủy điện, công trình đầu mối, tuyến năng lượng, hệ thống dẫn, chuyển nước và các công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy điện.

3. Cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện (sau đây gọi tắt là cơ sở dữ liệu thủy điện) là tập hợp các dữ liệu về vận hành công trình thủy điện do Bộ Công Thương xây dựng, quản lý và được vận hành trên trang hệ thống cơ sở dữ liệu hồ thủy điện - Bộ Công Thương.

4. Hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ gồm các còi hú và trạm cảnh báo để báo hiệu, thông tin, cảnh báo về việc thay đổi chế độ vận hành phát điện, vận hành xả lũ.

5. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện là hoạt động kiểm tra, đánh

giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, đánh giá an toàn của đập, hồ chứa thủy điện và các công trình có liên quan đến hồ chứa thủy điện thông qua đo đạc, quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

6. Khả năng xả lũ là năng lực của công trình xả cho phép xả được lũ ứng với tần suất lũ thiết kế hoặc tần suất lũ kiểm tra mà vẫn đảm bảo an toàn công trình.

7. Vùng hạ du đập thủy điện là vùng bị ngập lụt khi hồ chứa thủy điện thực hiện xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập.

8. Khai báo cơ sở dữ liệu thủy điện là quá trình cung cấp, cập nhật và số hóa dữ liệu thủy điện vào hệ thống cơ sở dữ liệu thủy điện Bộ Công Thương. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được cấp quyền truy cập cơ sở dữ liệu thủy điện để thực hiện khai báo, quản lý và sử dụng.

9. Quản lý cơ sở dữ liệu thủy điện là hoạt động nhằm đảm bảo sự vận hành an toàn và ổn định của cơ sở dữ liệu thủy điện trên trang thông tin điện tử và các hoạt động khác giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của Thông tư này.

Chương II **PHÂN LOẠI, PHÂN CẤP CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN**

Điều 3. Phân loại công trình thủy điện

Công trình thủy điện được phân loại để phục vụ công tác quản lý, vận hành bảo đảm an toàn công trình:

1. Công trình thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Đập có chiều cao từ 100 m trở lên;
 - b) Hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ 1.000.000.000 m³ trở lên;
 - c) Hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³ mà vùng hạ du đập có đô thị, khu công nghiệp, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;
 - d) Nhà máy thủy điện có công suất lắp máy trên 1000 MW.
2. Công trình thủy điện lớn thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m;
 - b) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và chiều dài đập từ 500 m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000 m³/s;
 - c) Hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³, trừ hồ chứa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;
 - d) Nhà máy thủy điện có công suất lắp máy từ trên 50 MW đến 1000 MW.
3. Công trình thủy điện vừa thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m , trừ đập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 3.000.000 m³;

c) Nhà máy thủy điện có công suất lắp máy từ trên 30 MW đến 50 MW.

4. Công trình thủy điện nhỏ thuộc một trong các trường hợp sau

a) Đập có chiều cao từ 5 m đến dưới 10 m;

b) Hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ 50.000 m³ đến dưới 500.000 m³;

c) Nhà máy thủy điện có công suất lắp máy từ 30 MW trở xuống.

5. Thẩm quyền quyết định danh mục công trình thủy điện (theo khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 146)

a) Bộ Công Thương quyết định danh mục công trình thủy điện quan trọng đặc biệt; công trình thủy điện lớn, vừa, nhỏ được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục công trình thủy điện trên địa bàn, trừ công trình thủy điện quy định tại điểm a khoản này.

Điều 4. Phân cấp công trình thủy điện

Công trình thủy điện được phân cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện và quy định của pháp luật về xây dựng nhằm phục vụ công tác thiết kế, thi công, xây dựng, quan trắc, kiểm định an toàn, bảo trì, bảo dưỡng công trình thủy điện.

Chương III

AN TOÀN TRONG GIAI ĐOẠN QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

Điều 5. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

1. Thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh)

a) Bộ Công Thương là cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) đối với công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) đối với công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình thủy điện quy định tại điểm a khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) đối với công trình thủy điện trên địa bàn 01 xã;

2. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh)

Chủ sở hữu công trình thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác của các tài liệu sử dụng trong hồ sơ quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Hồ sơ bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (bản chính hoặc bản gốc);
- b) Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) theo Mẫu Quy trình quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Báo cáo thuyết minh và phụ lục kết quả tính toán kỹ thuật (bản chính hoặc bản gốc);
- d) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (bản sao y).

3. Cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

a) Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc phạm vi quản lý tiếp nhận, thẩm định hồ sơ điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên địa bàn 01 xã, Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan chuyên môn thuộc phạm vi quản lý tiếp nhận, thẩm định hồ sơ quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

4. Trình tự thẩm định điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa để hoàn chỉnh theo quy định;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu công trình để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm như sau:

a) Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương, cơ quan thẩm định lấy ý kiến tổ chức có

liên quan; trình cấp thẩm quyền lấy ý kiến Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự Quốc gia, các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định lấy ý kiến Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước, phòng chống thiên tai cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức liên quan;

c) Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) do UBND cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, cơ quan thẩm định lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương, tài nguyên nước, phòng chống thiên tai cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự cấp xã, tổ chức liên quan;

d) Các bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

e) Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định hoặc yêu cầu Chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra làm cơ sở để thực hiện thẩm định trong trường hợp cần thiết.

6. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (điều chỉnh), chủ sở hữu có trách nhiệm công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, chủ sở hữu, trụ sở đơn vị quản lý vận hành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 6. Điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp (điều chỉnh)

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp (điều chỉnh) đối với công trình thủy điện trên địa bàn 01 tỉnh. Trường hợp công trình thủy điện thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt hạng mục nhà máy thủy điện có trách nhiệm chủ trì phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp (điều chỉnh) sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (điều chỉnh) đối với công trình thủy điện trên địa bàn 01 xã.

2. Nội dung điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

a) Kịch bản vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập;

b) Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập;

Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng và công bố và bàn giao cho chủ sở hữu công trình thủy điện theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Tại các khu vực chưa được cơ quan thẩm quyền phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm khảo sát, tính toán, để xác định phạm vi vùng hạ du đập bị ảnh hưởng và mức độ ngập lụt vùng hạ du đập khi hồ chứa xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập phục vụ việc xây dựng phương án ứng phó tình huống khẩn cấp;

c) Các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; dự kiến và kế hoạch ứng phó;

d) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản;

đ) Quy định về chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng;

e) Kế hoạch ứng phó phù hợp với từng tình huống lũ, ngập lụt ở vùng hạ du công trình;

g) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

h) Trách nhiệm của chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

Chủ sở hữu công trình thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác của các tài liệu sử dụng trong hồ sơ điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt (bản chính hoặc bản gốc).

b) Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo mẫu phương án tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật (bản sao y);

d) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (bản sao y).

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc phạm vi quản lý tiếp nhận hồ sơ, thẩm định điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp công trình thủy điện trên địa bàn 01 xã, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giao cơ quan chuyên môn thuộc phạm vi quản lý tiếp nhận hồ sơ, thẩm định điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn.

5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp (điều chỉnh).

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho chủ sở hữu công trình và thông báo bằng văn bản lý do trả hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định phương án. Trường hợp đủ điều kiện thì trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu công trình để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan tổ chức thẩm định, cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp. Trường hợp có ý kiến khác về hồ sơ, cơ quan phê duyệt thông báo bằng văn bản cho cơ quan thẩm định để hoàn chỉnh theo quy định.

6. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm như sau:

a) Đối với phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (điều chỉnh) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về phòng chống thiên tai, tài nguyên nước, thủy lợi cấp tỉnh ở hạ du, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du có liên quan và các tổ chức khác có liên quan;

b) Đối với phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (điều chỉnh) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thẩm định lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã vùng hạ du đập và tổ chức khác có liên quan;

c) Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp (điều chỉnh).

Điều 7. Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện cấp

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh)

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) đối với công trình thủy điện trên địa bàn 01 tỉnh. Trường hợp công trình thủy điện thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt hạng mục nhà máy thủy điện có trách nhiệm chủ trì phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) đối với công trình thủy điện trên địa bàn 01 xã.

2. Nội dung điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình, chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện;

b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện;

c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất;

d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại;

đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ công trình thủy điện, trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ;

e) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình;

g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của công trình thủy điện;

h) Bảo vệ, xử lý khi công trình thủy điện xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;

i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phương án:

Chủ sở hữu công trình thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác của các tài liệu sử dụng trong hồ sơ điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện. Hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo thuyết minh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản vẽ tổng mặt bằng công trình và các hạng mục công trình cần bảo vệ;

c) Các tài liệu khác có liên quan.

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh)

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc phạm vi quản lý tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) trên địa bàn 01 xã, thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng chuyên môn thuộc phạm vi quản lý là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định điều chỉnh phương án ứng bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh theo quy định;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan tổ chức thẩm định, cơ quan phê duyệt xem xét, kiểm tra; trường hợp có ý kiến khác về hồ sơ, cơ quan phê duyệt thông báo bằng văn bản cho cơ quan tổ chức thẩm định đề nghị phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh theo quy định;

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan tổ chức thẩm định, cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

6. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức liên quan;

b) Trường hợp công trình thủy điện thuộc địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt nhà máy thủy điện lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh, tổ chức liên quan;

c) Đối với phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điều chỉnh) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thẩm định lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã vùng hạ du đập và tổ chức khác có liên quan;

d) Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

Điều 8. kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Trách nhiệm kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Chủ sở hữu công trình thủy điện lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu đưa vào khai thác;

b) Công trình thủy điện đang khai thác khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng; thay đổi chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện phải điều chỉnh bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thay đổi.

2. Tờ khai đăng ký an toàn công trình, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục VII Thông tư này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc phạm vi quản lý có trách nhiệm tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn công trình, hồ chứa thủy điện; tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông số kỹ thuật, thông tin quản lý đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

Điều 9. Quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu đập thủy điện có trách nhiệm lắp đặt thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện

a) Quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện và các công trình có liên quan theo quy định trong hồ sơ thiết kế và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để theo dõi liên tục tình trạng an toàn, ổn định của công trình;

b) Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu quan trắc; phát hiện dấu hiệu bất thường để kịp thời xử lý; lưu trữ tài liệu quan trắc theo quy định;

c) Báo cáo chủ sở hữu công trình thủy điện kết quả quan trắc.

3. Trách nhiệm của chủ sở hữu công trình thủy điện

a) Trên cơ sở phân tích số liệu quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm lập và thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng công trình đập, hồ chứa thủy điện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

b) Định kỳ tổ chức kiểm tra, kiểm định, đánh giá tình trạng hoạt động của các thiết bị quan trắc và có phương án sửa chữa, thay thế kịp thời các thiết bị hỏng hoặc không bảo đảm chất lượng.

Điều 10. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho công trình đập, hồ chứa thủy điện.

2. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm thu thập tin dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.

3. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

a) Đối với công trình thủy điện có cửa van điều tiết lũ, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; dự báo lưu lượng đến hồ, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa;

b) Đối với công trình thủy điện lớn có tràn tự do, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả;

c) Đối với công trình thủy điện vừa có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, tính toán lưu lượng xả; khuyến khích áp dụng các quy định khác tại điểm b khoản này;

d) Đối với công trình thủy điện nhỏ có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn.

4. Chế độ quan trắc

a) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ; trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế;

b) Đối với các đập, hồ chứa nước có tràn tự do: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

5. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của đơn vị quản lý công trình thủy điện theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và theo quy định sau:

a) Công trình thủy điện có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ sở hữu; cơ quan quản lý nhà nước về thủy điện, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có công trình thủy điện, vùng hạ du đập; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương theo phạm vi quản lý của bộ; Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia trong tình huống khẩn cấp;

b) Công trình thủy điện vừa và nhỏ có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ sở hữu công trình, cơ quan quản lý nhà nước về thủy điện, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có công trình thủy điện, vùng hạ du đập.

6. Cung cấp thông tin, báo cáo

a) Việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM) hoặc các hình thức khác;

b) Văn bản phải được gửi đến chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

Điều 11. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Kiểm định lần đầu thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước lần đầu.

2. Kiểm định định kỳ 5 năm kể từ lần kiểm định gần nhất.

3. Kiểm định đột xuất

a) Khi phát hiện có hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho đập, hồ chứa thủy điện;

b) Khi cần có cơ sở để quyết định kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với đập, hồ chứa thủy điện hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa thủy điện;

c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thẩm quyền quyết định kiểm định đột xuất

a) Bộ Công Thương quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản này.

5. Nội dung kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Đối với công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu quan trắc đập, hồ chứa thủy điện; khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa thủy điện; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa thủy điện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của công trình, hồ chứa thủy điện;

b) Đối với công trình thủy điện vừa, nhỏ: Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa thủy điện; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa thủy điện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, tài liệu khí tượng thủy văn và các thay đổi về lưu vực đã được cập nhật; đánh giá chất lượng và an toàn của công trình, hồ chứa thủy điện.

6. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm tổ chức kiểm định, phê duyệt đề cương và kết quả kiểm định theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả kiểm định về cơ quan chuyên môn do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc phạm vi quản lý tiếp nhận báo cáo kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xây dựng đập, hồ chứa thủy điện và Bộ Công Thương.

Điều 12. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị

1. Công trình thủy điện phải được bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Công trình, hồ chứa thủy điện phải được sửa chữa, nâng cấp để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện và vùng hạ du trước mùa mưa hàng năm trong các trường hợp sau:

- a) Bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn;
- b) Thiếu khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- c) Có nguy cơ xảy ra hiện tượng sạt lở, bồi lấp lòng hồ chứa thủy điện.

3. Khuyến khích lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho công trình và vùng hạ du đối với đập, hồ chứa nước vừa, nhỏ có tràn tự do.

4. Chủ sở hữu công trình thủy điện chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí bảo trì sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa, lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, lập và thực hiện quy trình bảo trì công trình, cảnh báo an toàn cho đập, hồ chứa nước và vùng hạ du.

Điều 13. Kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm:

a) Kiểm tra thường xuyên, quan sát trực quan tại hiện trường để nắm bắt kịp thời hiện trạng công trình, hồ chứa thủy điện;

b) Trước mùa mưa lũ hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn công trình, hồ chứa thủy điện; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện;

c) Sau mùa mưa hàng năm, phải kiểm tra, đánh giá nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng của công trình, hồ chứa thủy điện; rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, xuống cấp;

d) Ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình thủy điện phải kiểm tra đánh giá hiện trạng an toàn công trình, hồ chứa thủy điện;

đ) Trường hợp phát hiện công trình, hồ chứa thủy điện có hư hỏng đột xuất, phải báo cáo ngay cho chủ sở hữu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp xử lý để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm:

- a) Đánh giá tình hình và dự báo khí tượng thủy văn;
- b) Kết quả thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa hàng năm;
- c) Hiện trạng công trình gồm: Kiểm tra bằng trực quan hiện trạng công trình; phân tích, đánh giá kết quả quan trắc công trình; tình trạng vận hành thiết bị của các hạng mục công trình;
- d) Hiện trạng hồ chứa thủy điện, tình hình sạt lở, tái tạo bờ và các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện;
- đ) Kiểm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các kiến nghị của đơn vị kiểm định công trình;

e) Công tác bảo trì, sửa chữa công trình.

3. Chế độ báo cáo an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước và sau mùa mưa hàng năm

a) Trước mùa mưa lũ hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Thời gian mùa mưa lũ hằng năm tại các khu vực được xác định theo quy định của pháp luật về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai;

b) Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa. Thời hạn chốt số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm;

c) Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, trên cơ sở báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân các tỉnh có công trình thủy điện có trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này gửi Bộ Công Thương;

d) Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm báo cáo ngay Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp có công trình, hồ chứa thủy điện trên địa bàn và các cơ quan liên quan theo quy định khi xảy ra tình huống khẩn cấp.

Điều 14. Trách nhiệm kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước mùa mưa hàng năm

1. Bộ Công Thương giao Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, tổng hợp kết quả trình Bộ Công Thương để báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả kiểm tra.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình thủy điện quy định tại khoản 1 Điều này và báo cáo Bộ Công Thương kết quả kiểm tra.

Điều 15. Lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm lắp đặt và duy trì vận hành ổn định hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập và vùng hạ du đập đáp ứng quy định sau:

a) Lắp đặt hệ thống còi hú tại đập tràn và khu vực hạ lưu nhà máy đối với các nhà máy ở cách xa đập tràn từ 500 m trở lên;

b) Lắp đặt các trạm cảnh báo tại khu vực có dân cư sinh sống phía hạ du công trình thủy điện trong phạm vi tối thiểu 15 km tính từ đập xuống phía hạ du, trừ trường hợp phía hạ du đập là lòng hồ chứa của công trình thủy điện, thủy lợi khác do cơ quan phê duyệt quy trình vận hành quyết định.

c) Hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập phải được trang bị nguồn điện dự phòng để bảo đảm tiếp tục hoạt động tối thiểu 24 giờ sau khi mất nguồn điện chính.

2. Các trường hợp thực hiện cảnh báo và nội dung cảnh báo

a) Trường hợp cảnh báo đối với xả lũ qua đập tràn có cửa van khi: Mở cửa van đầu tiên; tăng/giảm lưu lượng xả qua 01 cửa van; khi xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình; đóng hoàn toàn cửa van cuối cùng;

b) Trường hợp cảnh báo đối với đập tràn tự do: Trước 30 phút khi nước bắt đầu hay kết thúc chảy tràn qua đập tràn;

c) Trường hợp cảnh báo đối với vận hành phát điện khi: Bắt đầu vận hành phát điện tổ máy đầu tiên; dừng hoàn toàn phát điện.

3. Tùy thuộc vào vị trí công trình thủy điện và địa hình vùng hạ du đập thủy điện, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp và thống nhất với chủ sở hữu công trình thủy điện về vị trí lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập.

4. Yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện và vận hành xả lũ

a) Hệ thống cảnh báo phải được trang bị nguồn điện dự phòng để bảo đảm hoạt động tối thiểu 24 giờ sau khi mất nguồn điện chính.

b) Tín hiệu thông tin, cảnh báo tới thiết bị đầu cuối có độ trễ không lớn hơn 03 giây.

c) Bảo đảm âm lượng với khoảng cách tối thiểu 03 km đối với còi, 02 km đối với loa cảnh báo.

- Còi khu vực đập tràn: tối thiểu 01 còi. Các đập tràn xây dựng ở các vị trí khác nhau trên hồ chứa phải bố trí tối thiểu 01 còi /đập tràn.

- Còi hạ khu vực hạ lưu nhà máy đối với nhà máy cách xa đập tràn từ 500 m trở lên: tối thiểu 01 còi /nhà máy.

d) Trạm cảnh báo phải lắp đặt gần nơi dân cư sinh sống phía hạ du công trình thủy điện, bao gồm:

- Tủ điều khiển có thiết bị lưu trữ âm thanh, dữ liệu lưu trữ có thể truy xuất từ xa.

- Tối thiểu 02 loa cảnh báo/trạm.

- Hệ thống giám sát, điều khiển từ xa thực hiện điều khiển phát nội dung thông báo, cảnh báo; giám sát, thu thập dữ liệu.

đ) Các trường hợp thực hiện cảnh báo và nội dung cảnh báo

- Trường hợp cảnh báo đối với xả lũ qua đập tràn: Mở cửa van đầu tiên; Tăng/ giảm lưu lượng xả qua 01 cửa van; Khi xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình; Đóng hoàn toàn cửa van cuối cùng.

- Trường hợp cảnh báo đối với vận hành phát điện: Bắt đầu vận hành phát điện tổ máy đầu tiên; Dừng hoàn toàn phát điện.

- Nội dung cảnh báo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm:

a) Lắp đặt và duy trì vận hành ổn định hệ thống camera giám sát, thiết bị quan trắc mực nước, hệ thống truyền dẫn thông tin dữ liệu trực tuyến và cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

b) Lắp đặt cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự để xác định được mực nước hạ lưu đập; trường hợp hạ lưu đập có trạm quan trắc khí tượng thủy văn thì được phép khai thác thông tin mực nước hạ du từ trạm quan trắc này thay cho cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự cột thủy chí.

2. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan quyết định vị trí lắp đặt cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự cột thủy chí.

Điều 17. Lưu trữ hồ sơ công trình thủy điện

1. Việc lập, lưu trữ hồ sơ liên quan đến đầu tư, xây dựng, nghiệm thu công trình thủy điện được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, xây dựng.

2. Việc lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác quản lý an toàn công trình thủy điện, chủ sở hữu và đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm:

a) Lưu trữ các hồ sơ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và hồ sơ liên quan đến công tác quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

b) Hình thức lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và phải có hồ sơ lưu trữ bằng bản điện tử.

Điều 18. Nhân sự làm công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm bố trí nhân sự làm công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện có chuyên môn phù hợp với các yêu cầu sau:

a) Đối với công trình, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt, phải có ít nhất 03 người có trình độ đại học thuộc chuyên ngành xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương, đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

b) Đối với công trình, hồ chứa thủy điện lớn có ít nhất 02 người có trình độ đại học và 01 người có trình độ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương, đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

c) Đối với công trình, hồ chứa thủy điện vừa và nhỏ có ít nhất 01 người có trình độ đại học và 02 người có trình độ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương, đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

2. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm tổ chức hoặc thuê đơn vị có đủ chức năng tổ chức bồi dưỡng định kỳ kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện cho người làm công tác an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc phạm vi quản lý tối thiểu 2 năm 1 lần và tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng.

3. Việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện phải đáp ứng quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 19. Bồi dưỡng định kỳ kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Thời gian bồi dưỡng kiến thức về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện cho người làm công tác an toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện tối thiểu 08 giờ;

b) Bồi dưỡng kỹ năng thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp tối thiểu 08 giờ.

c) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng kiểm tra, đánh giá an toàn đập, phân tích số liệu quan trắc và biện pháp bảo đảm an toàn công trình thủy điện theo quy định của pháp luật tối thiểu 08 giờ.

2. Người thực hiện bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện tại điểm a khoản 1 Điều này phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm trong công tác xây dựng pháp luật hoặc quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa từ 3 năm trở lên, có am hiểu sâu về pháp luật liên quan đến quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

3. Người thực hiện bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này phải có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: quản lý năng lượng, điện, xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương; có kinh nghiệm trong công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa từ 3 năm trở lên.

4. Đơn vị tổ chức bồi dưỡng có trách nhiệm:

a) Bố trí người đáp ứng yêu cầu tại khoản 2, khoản 3 Điều này để thực hiện bồi dưỡng cho nhân sự làm công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

b) Xây dựng tài liệu bồi dưỡng theo khung chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện tại Phụ lục II Thông tư này.

c) Kết thúc khóa bồi dưỡng phải tiến hành kiểm tra làm căn cứ xác nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng cho những người tham gia. Người tham gia khóa bồi dưỡng chỉ được xác nhận hoàn thành hóa học khi kết quả kiểm tra đạt tối thiểu 50% tổng số điểm.

Chương IV **PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN**

Điều 20. Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện bao gồm công trình đập, hồ chứa, tuyến năng lượng, nhà máy, trạm điện, các công trình phụ trợ khác và vùng phụ cận.

2. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

3. Vùng phụ cận được quy định như sau:

a) Vùng phụ cận của tuyến đập có phạm vi được tính từ chân đập trở ra. Đối với đập cấp đặc biệt tối thiểu là 300 m; đập cấp I tối thiểu là 200 m; đập cấp II tối thiểu là 100 m; đập cấp III tối thiểu là 50 m; đập cấp IV tối thiểu là 20 m;

b) Vùng phụ cận của tuyến năng lượng:

Trường hợp nhà máy thủy điện dạng sau đập, lòng sông, vùng phụ cận của tuyến năng lượng được quy định như tại mục a khoản này.

Trường hợp nhà máy thủy điện dạng đường dẫn hở từ cửa lấy nước đến hết kênh ra nhà máy thủy điện, vùng phụ cận của tuyến năng lượng được tính từ biên mái đào hoặc mái đắp trở ra tối đa là 5 m.

Trường hợp các nhà máy thủy điện dạng hầm dẫn nước có cửa lấy nước, tháp điều áp hở, đường ống áp lực hở, nhà máy thủy điện, kênh ra nhà máy thủy điện thì vùng phụ cận của tuyến năng lượng được tính từ biên mái đào trở ra tối đa là 5 m.

c) Vùng phụ cận của lòng hồ chứa thủy điện có phạm vi được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ, không bao gồm phần diện tích mặt hồ;

d) Phạm vi bảo vệ đối với trạm điện, nhà máy thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

4. Công trình thủy điện khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này. Cơ quan phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình.

Điều 21. Nội dung yêu cầu về an toàn công trình, hồ chứa thủy điện đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình, hồ chứa thủy điện

1. Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm các yêu cầu về an toàn công trình thủy điện sau:

a) Tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, đất đai, khoáng sản và các quy định khác của pháp luật;

b) Không được ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ đập thủy điện; có biện pháp triệt tiêu nguy cơ xâm phạm vào phạm vi bảo vệ đập, cửa nhận nước của công trình thủy điện;

c) Không gây sạt lở bờ hồ thủy điện, làm bồi lắng lòng hồ, tác động đến trầm tích đáy hồ chứa thủy điện;

d) Phối hợp với đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện trong công tác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

2. Cơ quan có thẩm quyền khi xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc cấp phép cho các dự án, hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện

theo quy định pháp luật có trách nhiệm xem xét yếu tố ảnh hưởng đến an toàn công trình thủy điện và lấy ý kiến bằng văn bản của chủ sở hữu công trình thủy điện, Sở Công Thương các tỉnh có liên quan về tác động của dự án, hoạt động xin cấp phép đối với công trình thủy điện và yêu cầu các tổ chức, cá nhân có biện pháp bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khi triển khai các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tuân thủ các quy định về an toàn công trình, hồ chứa thủy điện và thông báo bằng văn bản đến tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện về các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện và phối hợp với các tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện trong quá trình vận hành hồ chứa thủy điện.

4. Công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện không ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy điện được tiếp tục sử dụng nhưng không được mở rộng quy mô.

5. Công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy điện phải thực hiện các giải pháp khắc phục theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương; trường hợp không thể khắc phục phải dỡ bỏ hoặc di dời.

Chương V

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

Điều 22. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện để quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin thủy điện trên phạm vi toàn quốc được Nhà nước bảo đảm kinh phí vận hành.

2. Các thành phần cơ bản của hệ thống:

a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng Internet, mạng máy tính, thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ;

b) Cơ sở dữ liệu vận hành công trình thủy điện bao gồm các trường thông tin chính: Thông số kỹ thuật chính của công trình thủy điện; Mức nước hồ, mực nước hạ lưu sau đập; lưu lượng xả qua nhà máy; lưu lượng xả qua tràn; lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu.

c) Phần mềm của hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện được Bộ Công Thương xây dựng, quản lý và vận hành.

3. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thủy điện

a) Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thủy điện phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và các pháp luật khác có liên quan;

b) Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện quyết định việc phân quyền truy cập khai thác và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

c) Cơ quan quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện không được chia sẻ, cung cấp các thông tin ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, các thông tin mang tính cá nhân của người sử dụng trừ trường hợp phục vụ hoạt động điều tra, xác minh xử lý hành vi vi phạm pháp luật và phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

4. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cập nhật thông tin, số liệu về vận hành công trình thủy điện vào Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện.

5. Bộ Công Thương xây dựng hạ tầng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện; thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu; tổ chức điều tra, thu thập, tổng hợp và cập nhật dữ liệu thông tin điện lực; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu để cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; quản lý sử dụng và cung cấp dữ liệu theo cấp độ chia sẻ dữ liệu; bảo đảm kinh phí xây dựng, nâng cấp, vận hành của hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện từ ngân sách nhà nước hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thực hiện khai báo cơ sở dữ liệu vận hành công trình thủy điện

1. Đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện gửi đề nghị cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu đến Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 ngày từ khi nhận được đề nghị của đơn vị, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tiến hành lập tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu vận hành công trình thủy điện gửi các đơn vị.

3. Sau khi được cấp tài khoản truy cập hệ thống, đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện tiến hành đăng nhập để khai báo thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin khai báo.

4. Nội dung, tần suất khai báo, cập nhật thông tin bao gồm:

a) Thông số kỹ thuật chính của công trình thủy điện: Chỉ khai báo lần đầu và khi có thay đổi thông số kỹ thuật.

b) Mức nước hồ, mức nước hạ lưu sau đập; lưu lượng nước về hồ; tổng lưu lượng xả xuống hạ lưu; lưu lượng xả qua nhà máy, lưu lượng xả qua tràn: Tần suất cập nhật.

- Trong mùa mưa lũ và thời kỳ chuyển tiếp: tối thiểu 1 lần/giờ;

- Trong mùa kiệt/cạn: tối thiểu 2 lần/ngày (vào 7 giờ và 19 giờ hàng ngày).

Điều 24. Quản lý cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện

1. Nội dung quản lý cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện bao gồm:

a) Duy trì đường truyền internet, lưu trữ dữ liệu trên máy chủ, đảm bảo an toàn bảo mật thông tin, hoạt động ổn định hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện trên trang thông tin điện tử;

b) Cấp tài khoản truy cập và phân quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân;

c) Xây dựng, nâng cấp hệ thống, duy trì, vận hành, chia sẻ các dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

d) Đơn đốc, chỉ đạo việc khai báo cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện của các đơn vị quản lý, vận hành;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá những thông tin, dữ liệu do đơn vị khai báo;

e) Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

g) Các hoạt động quản lý khác có liên quan.

2. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện:

Kinh phí xây dựng, nâng cấp hệ thống, duy trì, vận hành, chia sẻ các dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có trách nhiệm xây dựng, quản lý và vận hành trên trang thông tin điện tử cơ sở dữ liệu vận hành công trình thủy điện; chủ trì tổ chức hướng dẫn, theo dõi các chủ sở hữu công trình thủy điện cập nhật cơ sở dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện; Được phép thuê hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

4. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số có trách nhiệm phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp duy trì đường truyền internet, hệ thống lưu trữ dữ liệu trên máy chủ, đảm bảo an toàn bảo mật thông tin, hoạt động ổn định hệ thống cơ sở dữ liệu vận hành công trình thủy điện.

5. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp bảo đảm kinh phí xây dựng, nâng cấp, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện từ ngân sách nhà nước hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Khuyến khích sử dụng nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật phục vụ xây dựng, quản lý, vận hành và duy trì Hệ thống cơ sở dữ liệu vận hành công trình thủy điện.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25 Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 26 Quy định chuyển tiếp

- 1.
- 2.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này
3. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định mới.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Bộ trưởng, các Thủ trưởng Bộ Công Thương;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương;

BỘ TRƯỞNG

Lê Mạnh Hùng

- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công TTĐT của Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC, ATMT.